

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số ~~3516~~ 3516/BTC-QLN

Hà Nội, ngày 05 tháng 4 năm 2021

V/v dự thảo Thông tư hướng dẫn quản lý tài chính nhà nước đối với nguồn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước

Kính gửi:

Chính phủ đã ban hành các Nghị định số 56/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài (Nghị định 56/2020/NĐ-CP); Nghị định số 50/2020/NĐ-CP ngày 20/4/2020 của Chính phủ quy định về tiếp nhận quản lý và sử dụng viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ và khắc phục hậu quả thiên tai (Nghị định 50/2020/NĐ-CP), và Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 8/7/2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam (Nghị định 80/2020/NĐ-CP). Theo đó, chế độ quản lý tài chính đối với vốn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài hiện được quy định tại các Nghị định nói trên.

Căn cứ khoản 2 Điều 30 Nghị định 50/2020/NĐ-CP, khoản 2 Điều 88 Nghị định 56/2020/NĐ-CP và khoản 2 Điều 34 Nghị định 80/2020/NĐ-CP, Bộ Tài chính đã dự thảo Thông tư hướng dẫn quản lý tài chính nhà nước đối với viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước (kèm theo).

Mong nhận được ý kiến đóng góp của các cơ quan về dự thảo Thông tư nói trên, ý kiến xin gửi về Bộ Tài chính *trước ngày 15/4/2021* để Bộ Tài chính tổng hợp và thực hiện các bước theo quy định.//

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, QLN (30b);

KT.BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Xuân Hà

DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ GÓP Ý KIẾN

STT	TÊN ĐƠN VỊ
CÁC BỘ, NGÀNH	
1	Văn phòng Chủ tịch nước
2	Văn phòng Quốc hội
3	Tòa án nhân dân tối cao
4	Viện kiểm sát nhân dân tối cao
5	Văn phòng Chính phủ
6	Văn phòng Trung ương Đảng
7	Thanh tra Chính phủ
8	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
9	Bảo hiểm xã hội Việt Nam
10	Kiểm toán Nhà nước
11	Đài tiếng nói Việt Nam
12	Đài truyền hình Việt Nam
13	Thông tấn xã Việt Nam
14	Đại học Quốc gia Hà Nội
15	Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam
16	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam
17	Liên minh hợp tác xã Việt Nam
18	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
19	Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh
20	Ủy ban Dân tộc
21	Ủy ban sông Mê Kông
22	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam
23	Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam
24	Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh
25	Trung ương Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam
26	Trung ương Hội Nông dân Việt Nam
27	Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam
28	Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam
29	Bộ Quốc phòng
30	Bộ Công an
31	Bộ Ngoại giao
32	Bộ Tư pháp
33	Bộ Công Thương
34	Bộ Lao động - Thương Binh và Xã hội
35	Bộ Giao thông-vận tải
36	Bộ Xây dựng
37	Bộ Thông tin và Truyền thông
38	Bộ Giáo dục và Đào tạo
39	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
40	Bộ Kế hoạch và Đầu tư

84	Ủy ban Nhân dân tỉnh Nam Định
85	Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghệ An
86	Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Bình
87	Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Thuận
88	Ủy ban Nhân dân tỉnh Phú Thọ
89	Ủy ban Nhân dân tỉnh Phú Yên
90	Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Bình
91	Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Nam
92	Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ngãi
93	Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh
94	Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Trị
95	Ủy ban Nhân dân tỉnh Sóc Trăng
96	Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La
97	Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh
98	Ủy ban Nhân dân tỉnh Thái Bình
99	Ủy ban Nhân dân tỉnh Thái Nguyên
100	Ủy ban Nhân dân tỉnh Thanh Hóa
101	Ủy ban Nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế
102	Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang
103	Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh
104	Ủy ban Nhân dân tỉnh Trà Vinh
105	Ủy ban Nhân dân tỉnh Tuyên Quang
106	Ủy ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Long
107	Ủy ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc
108	Ủy ban Nhân dân tỉnh Yên Bái

Dự thảo Thông tư (Bản số 1)
(Kèm theo công văn /BTC-QLN ngày 4 năm 2021 của Bộ Tài chính)

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số /2021/TT-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

BẢN SỐ 1

THÔNG TƯ

Hướng dẫn quản lý tài chính nhà nước đối với nguồn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2019 ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 56/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài;

Căn cứ Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 50/2020/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định về tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ và khắc phục hậu quả thiên tai;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước; Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn quản lý tài chính nhà nước đối với viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư hướng dẫn quản lý tài chính nhà nước đối với vốn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài (sau đây gọi là viện trợ) thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước.

2. Các khoản viện trợ thực hiện theo cơ chế hòa trộn được quy định tại khoản 21 Điều 3 Nghị định số 56/2020/NĐ-CP/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài (sau đây gọi là Nghị định 56/2020/NĐ-CP) không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này.

3. Vốn viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước gồm:

a) Vốn ODA không hoàn lại theo quy định tại tiết a khoản 19 Điều 3 Nghị định 56/2020/NĐ-CP.

b) Các khoản viện trợ không thuộc nguồn ODA của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho các cơ quan, tổ chức được thành lập hợp pháp tại Việt Nam theo quy định tại khoản 8 Điều 3 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam (sau đây gọi là Nghị định số 80/2020/NĐ-CP), không bao gồm các trường hợp được quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

c) Các khoản viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ và khắc phục hậu quả thiên tai theo quy định tại khoản 1, 2, 9 Điều 3 của Nghị định 50/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ và khắc phục hậu quả thiên tai (sau đây gọi là Nghị định số 50/2020/NĐ-CP).

4. Trong trường hợp các quy định về quản lý tài chính tại Thông tư này có sự khác biệt với các Điều ước quốc tế về vốn viện trợ không hoàn lại thì áp dụng theo các quy định của Điều ước quốc tế đó.

Điều 2: Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan nhà nước được giao trách nhiệm quản lý nhà nước đối với

vốn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài.

2. Các cơ quan chủ quản chương trình/dự án/phi dự án viện trợ không hoàn lại của nước ngoài.

3. Các chủ khoản viện trợ là đơn vị được cơ quan chủ quản giao trách nhiệm quản lý, thực hiện khoản viện trợ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Chủ khoản viện trợ được gọi là Chủ dự án trong trường hợp khoản viện trợ thực hiện theo phương thức chương trình, dự án.

4. Các cơ quan, tổ chức khác có liên quan đến việc quản lý, tiếp nhận, sử dụng vốn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài (ngân hàng phục vụ, kho bạc nhà nước, cơ quan hải quan, cơ quan thuế, đơn vị nhận ủy thác của nhà tài trợ).

5. Các đối tượng khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Ngoài các từ ngữ liên quan đến vốn viện trợ đã được định nghĩa tại Nghị định 56/2020/NĐ-CP; Nghị định 80/2020/NĐ-CP; Nghị định số 50/2020/NĐ-CP, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Hỗ trợ ngân sách chung là phương thức viện trợ bằng tiền mà tiền viện trợ được chuyển trực tiếp vào ngân sách nhà nước nhằm hỗ trợ chi tiêu chung của ngân sách nhà nước, được quản lý, sử dụng phù hợp với quy định thủ tục ngân sách nhà nước để đạt được mục tiêu đề ra trên cơ sở thỏa thuận với nhà tài trợ nước ngoài.

2. Hỗ trợ ngân sách có mục tiêu là phương thức viện trợ bằng tiền mà tiền viện trợ được chuyển trực tiếp vào ngân sách nhà nước để chi cho chương trình phát triển của một ngành hoặc một lĩnh vực kinh tế hoặc cho một/một số dự án tại một/một số địa bàn cụ thể nhằm đạt được mục tiêu đề ra trên cơ sở thỏa thuận với nhà tài trợ nước ngoài. Việc quản lý, chi tiêu vốn viện trợ phù hợp với quy định, thủ tục chi tiêu ngân sách nhà nước.

3. Viện trợ nước ngoài do phía Việt Nam trực tiếp quản lý điều hành là phương thức viện trợ theo đó nhà tài trợ chuyển tiền viện trợ cho chủ dự án phía Việt Nam để tự tổ chức quản lý và thực hiện chương trình/dự án/phi dự án viện trợ (bao gồm các hoạt động về mua sắm, thực hiện hợp đồng, giải ngân, quyết toán vốn viện trợ) theo thỏa thuận giữa hai bên theo quy định luật pháp của Việt Nam.

4. Viện trợ nước ngoài do nhà tài trợ trực tiếp quản lý toàn bộ hoặc 1 phần là phương thức viện trợ theo đó nhà tài trợ trực tiếp quản lý tài chính dự án (toàn bộ hoặc 1 phần vốn viện trợ), chịu trách nhiệm chính trong toàn bộ quá trình triển khai dự án (mua sắm, giải ngân), hoặc ủy thác cho một tổ chức thứ ba (không phải chủ dự án) thực hiện chương trình/dự án/phi dự án viện trợ. Theo

phương thức này, toàn bộ hoặc một phần tiền viện trợ không hoàn lại không được chuyển vào tài khoản của chủ dự án phía Việt Nam.

5. Dự án hỗ trợ kỹ thuật là dự án có mục tiêu hỗ trợ công tác nghiên cứu chính sách, thể chế, chuyên môn, nghiệp vụ tăng cường năng lực thông qua các hoạt động như cung cấp chuyên gia trong nước và quốc tế, đào tạo, tư liệu và tài liệu, tham quan khảo sát, hội thảo trong và ngoài nước, hỗ trợ một số trang thiết bị, xây dựng mô hình trình diễn.

6. Viện trợ theo hình thức chìa khóa trao tay là hình thức viện trợ nước ngoài do nhà tài trợ tự quản lý, thực hiện toàn bộ để đầu tư hoặc tạo ra một công trình/sản phẩm cụ thể, sau khi hoàn thành, nhà tài trợ thực hiện bàn giao toàn bộ công trình/sản phẩm đó cho phía Việt Nam để quản lý, vận hành.

7. Viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách trung ương bao gồm:

a) Vốn ODA không hoàn lại;

b) Các khoản viện trợ không thuộc vốn ODA của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho các tổ chức thuộc bộ máy nhà nước Việt Nam (không bao gồm viện trợ cho ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc ủy ban nhân dân cấp tỉnh).

c) Các khoản viện trợ không thuộc vốn ODA cho các doanh nghiệp nhà nước.

d) Các khoản viện trợ không thuộc vốn ODA cho Đảng Cộng sản Việt Nam, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam.

đ) Các khoản viện trợ không thuộc vốn ODA cho các Hội có tính chất đặc thù hoạt động trong phạm vi cả nước, được xác định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 68/QĐ-TTg ngày 01/10/2010 của Thủ tướng Chính phủ về quy định Hội có tính chất đặc thù (sau đây gọi là Quyết định số 68/QĐ-TTg).

8. Viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách địa phương:

a) Các khoản viện trợ không thuộc vốn ODA trực tiếp cho ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Các khoản viện trợ không thuộc vốn ODA cho các Hội có tính chất đặc thù hoạt động trong phạm vi địa phương do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xác định, căn cứ Quyết định số 68/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 4. Phương thức cung cấp viện trợ

1. Viện trợ bằng tiền.

2. Viện trợ bằng hàng hóa/dịch vụ.

3. Viện trợ theo dự án hỗ trợ kỹ thuật.
4. Viện trợ theo dự án đầu tư.
5. Viện trợ theo hình thức chìa khóa trao tay.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

LẬP KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH VỐN VIỆN TRỢ KHÔNG HOÀN LẠI

Điều 5. Kế hoạch tài chính vốn viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước, bao gồm:

1. Dự toán thu chi viện trợ hằng năm, gồm dự toán thu chi viện trợ hằng năm thuộc nguồn thu sách trung ương và dự toán thu chi viện trợ hằng năm thuộc nguồn thu ngân sách địa phương.

2. Kế hoạch tài chính vốn viện trợ giai đoạn 03 năm.

3. Kế hoạch tài chính vốn viện trợ giai đoạn 05 năm.

Điều 6. Lập kế hoạch tài chính nguồn vốn viện trợ giai đoạn 05 năm.

1. Kế hoạch tài chính vốn viện trợ giai đoạn 05 năm là kế hoạch tài chính được lập trong thời hạn 05 năm cùng với kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội 05 năm. Việc lập Kế hoạch tài chính vốn viện trợ giai đoạn 05 năm nhằm xác định số thu viện trợ và các lĩnh vực được nhận viện trợ trong giai đoạn 05 năm tiếp theo. Kế hoạch tài chính vốn viện trợ giai đoạn 05 năm được xây dựng dựa trên việc đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch tài chính giai đoạn 05 năm trước, các Điều ước quốc tế khung/Thỏa thuận khung, các văn kiện hợp tác hoặc các khung hợp tác giữa các đối tác cung cấp viện trợ và đối tượng tiếp nhận viện trợ.

2. Mẫu biểu Kế hoạch tài chính vốn viện trợ 05 năm tại Phụ lục 1 đính kèm.

3. Trình tự lập, phê duyệt Kế hoạch tài chính vốn viện trợ 05 năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn liên quan.

Điều 7. Lập kế hoạch tài chính nguồn vốn viện trợ 03 năm.

1. Việc lập kế hoạch tài chính nguồn vốn viện trợ 03 năm căn cứ vào tình hình thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước, dự toán thu chi vốn viện trợ năm hiện hành; căn cứ vào kế hoạch tài chính nguồn vốn viện trợ 05 năm (trường hợp thời gian 03 năm kế hoạch nằm trong kế hoạch 05

năm) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; tình hình huy động vốn viện trợ trong thời gian 03 năm tới hoặc mục tiêu, chỉ tiêu, định hướng phát triển kinh tế - xã hội, tài chính và đầu tư công 05 năm giai đoạn sau (trường hợp thời gian 03 năm kế hoạch có năm nằm giữa hai kỳ kế hoạch 05 năm).

2. Mẫu biểu Kế hoạch tài chính nguồn vốn viện trợ 03 năm tại Phụ lục 2 đính kèm.

3. Trình tự lập, phê duyệt Kế hoạch tài chính vốn viện trợ 03 năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn liên quan.

Điều 8. Lập, phê duyệt dự toán thu chi vốn viện trợ chi thường xuyên hằng năm.

1. Việc lập dự toán thu chi vốn viện trợ hằng năm của năm tiếp theo dựa theo các căn cứ sau: Kế hoạch tài chính nguồn vốn viện trợ 05 năm, 03 năm; các Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định chủ trương thực hiện/Quyết định phê duyệt văn kiện dự án/phi dự án, Điều ước quốc tế/Thỏa thuận viện trợ đã ký kết; kế hoạch giải ngân của nhà tài trợ và trên cơ sở đánh giá tình hình triển khai phân bổ, giao dự toán và thực hiện dự toán ngân sách nhà nước bảy tháng đầu năm và dự kiến cả năm hiện hành.

2. Nguyên tắc lập dự toán thu chi vốn viện trợ hằng năm: Các khoản viện trợ chỉ được tổng hợp vào dự toán thu chi vốn viện trợ hằng năm khi đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tiếp nhận (Quyết định phê chủ trương đầu tư/Quyết định chủ trương thực hiện/Quyết định phê duyệt văn kiện dự án/phi dự án).

3. Nội dung, trình tự lập, tổng hợp, phê duyệt dự toán thu chi vốn viện trợ hằng năm.

a) Lập dự toán thu chi vốn viện trợ thuộc nguồn thu trung ương: Trước ngày 10 tháng 7 hằng năm, trên cơ sở báo cáo của chủ khoản viện trợ, cơ quan chủ quản (các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương và ủy ban nhân dân cấp tỉnh) tổng hợp dự toán vốn viện trợ hằng năm (viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách trung ương và chi bổ sung có mục tiêu cho địa phương) theo mẫu biểu tại Phụ lục 3 kèm theo chi tiết theo từng chủ dự án, nhà tài trợ, Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định chủ trương thực hiện/Quyết định phê duyệt văn kiện dự án/phi dự án, tổng vốn viện trợ không hoàn lại, thời gian thực hiện và chi tiết theo từng lĩnh vực chi gửi Bộ Tài chính (Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại).

b) Lập dự toán thu chi vốn viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách địa phương: Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét tổng hợp dự toán thu, chi vốn viện trợ không hoàn lại đối với các khoản viện trợ thuộc nguồn

thu ngân sách địa phương báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để trình Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, cho ý kiến. Sau khi Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi báo cáo dự toán thu chi vốn viện trợ đến Bộ Tài chính (đối với vốn viện trợ chi thường xuyên) và Bộ Kế hoạch và Đầu tư (đối với vốn viện trợ chi đầu tư), chậm nhất là ngày 10 tháng 7 hằng năm, theo mẫu dự toán thu chi vốn viện trợ hằng năm tại Phụ lục 3 của Thông tư.

c) Trên cơ sở rà soát dự toán vốn viện trợ hằng năm của cơ quan chủ quản, Bộ Tài chính/Sở Tài chính tổ chức họp các cơ quan chủ quản (nếu cần) để thống nhất số liệu viện trợ trước khi họp thảo luận dự toán theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn liên quan.

d) Sau khi Quốc hội quyết định dự toán ngân sách nhà nước, phân bổ ngân sách trung ương năm sau, Thủ tướng Chính phủ giao dự toán thu, chi ngân sách năm sau cho từng bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương và từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trước ngày 20 tháng 11 hằng năm.

đ) Trên cơ sở hạn mức vốn hằng năm được cơ quan thẩm quyền giao, trước ngày 31 tháng 12, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp ở địa phương phải hoàn thành việc giao dự toán vốn viện trợ cho từng cơ quan, đơn vị trực thuộc, từng chương trình, dự án và gửi Bộ Tài chính (Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại)/Sở Tài chính để theo dõi, quản lý.

4. Đối với việc lập kế hoạch vốn viện trợ chi đầu tư được thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công năm 2019 và các văn bản hướng dẫn liên quan. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm tổng hợp vào kế hoạch đầu tư công trung hạn theo quy định. Trên cơ sở kế hoạch đầu tư công trung hạn được cấp có thẩm quyền phê duyệt, cơ quan chủ quản lập kế hoạch tài chính vốn viện trợ chi đầu tư hằng năm gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

5. Trường hợp các khoản viện trợ mới phát sinh trong năm sau thời điểm lập dự toán, cơ quan chủ quản có văn bản gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư (đối với vốn viện trợ chi đầu tư phát triển) hoặc Bộ Tài chính (đối với vốn viện trợ chi thường xuyên) để tổng hợp báo cáo Chính phủ để trình cấp có thẩm quyền bổ sung dự toán trong năm theo quy định.

Điều 9. Điều chỉnh, bổ sung dự toán thu chi vốn viện trợ hằng năm.

1. Trường hợp điều chỉnh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao: Trên cơ sở dự toán vốn viện trợ hằng năm được cơ quan thẩm quyền giao,

cơ quan chủ quản phân bổ chi tiết cho từng chương trình/dự án/phi dự án. Trong năm, căn cứ tình hình thực hiện các chương trình/dự án/phi dự án và công văn đề xuất điều chỉnh của chủ chương trình/dự án/phi dự án, cơ quan chủ quản tổng hợp gửi lấy ý kiến của cơ quan tài chính đồng cấp đối với vốn chi thường xuyên và cơ quan kế hoạch đối với vốn chi đầu tư. Trên cơ sở ý kiến của các cơ quan, cơ quan chủ quản thực hiện việc điều chỉnh tăng giảm dự toán đã phân bổ cho các chương trình, dự án, dự án thuộc và trực thuộc nhưng không vượt tổng mức dự toán được giao, gửi Bộ Tài chính dự toán sau điều chỉnh để phê duyệt điều chỉnh dự toán trên TABMIS.

2. Trường hợp phát sinh các chương trình/dự án/phi dự án mới trong năm làm vượt tổng mức dự toán vốn viện trợ được giao ban đầu cho các cơ quan chủ quản: Cơ quan chủ quản tổng hợp nhu cầu bổ sung kế hoạch vốn hằng năm gửi Bộ Tài chính đối với vốn viện trợ chi thường xuyên và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư đối với vốn viện trợ chi đầu tư phát triển để tổng hợp trình cấp có thẩm quyền xem xét quyết định theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công. Sau khi được cấp có thẩm quyền giao bổ sung kế hoạch vốn, Bộ Tài chính thông báo bổ sung vốn cho cơ quan chủ quản đối với vốn chi thường xuyên và Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo bổ sung vốn đối với vốn chi đầu tư phát triển.

Điều 10. Nhập và phê duyệt dự toán vốn viện trợ hằng năm trên hệ thống thông tin quản lý Ngân sách và Kho bạc (TABMIS)

1. Đối với các khoản viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách trung ương và các khoản viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương, căn cứ quyết định giao dự toán ngân sách nhà nước của cấp có thẩm quyền, Bộ Tài chính (Vụ Ngân sách nhà nước) thực hiện nhập dự toán cho đơn vị dự toán cấp I (chi tiết theo vốn viện trợ thực hiện cơ chế ghi thu ghi chi ngân sách nhà nước, vốn viện trợ theo cơ chế hỗ trợ trực tiếp ngân sách). Các bộ, cơ quan ngang bộ, sở tài chính thực hiện phân bổ, nhập dự toán cho các đơn vị dự toán cấp dưới để Bộ Tài chính (Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại) kiểm tra phê duyệt dự toán vốn viện trợ trên Hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc (TABMIS) theo quy định về tổ chức, vận hành, khai thác TABMIS và văn bản hướng dẫn có liên quan.

2. Đối với các khoản viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách địa phương, căn cứ dự toán ngân sách được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao, Sở Tài chính thực hiện nhập TABMIS và xác nhận kế hoạch vốn đầu tư, dự toán chi thường xuyên từ nguồn viện trợ của các nhà tài trợ nước ngoài bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới và viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách địa phương.

3. Việc nhập dự toán vào TABMIS phải đảm bảo theo dõi riêng nguồn viện

trợ theo quy định, đảm bảo đúng danh mục, dự toán được Thủ tướng Chính phủ giao.

Mục 2

KIỂM SOÁT CHI, GIẢI NGÂN, THANH TOÁN, HẠCH TOÁN VỐN VIỆN TRỢ VÀ CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ.

Điều 11. Nguyên tắc quản lý tài chính đối với vốn viện trợ

1. Viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách phải được lập dự toán, hạch toán và quyết toán ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn liên quan, theo phân cấp quản lý ngân sách như sau:

a) Bộ Tài chính thực hiện quản lý thu, chi ngân sách trung ương đối với các nguồn viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách trung ương (bao gồm cả nguồn thu ngân sách trung ương ghi chi bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương).

b) Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tại địa phương thực hiện quản lý thu, chi ngân sách địa phương đối với các khoản viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách địa phương và phối hợp với Bộ Tài chính thực hiện ghi thu, ghi chi ngân sách địa phương đối với các khoản viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách trung ương ghi chi bổ sung có mục tiêu cho địa phương.

2. Bảo đảm công khai, minh bạch và đề cao trách nhiệm của chủ dự án, cơ quan chủ quản trong tiếp nhận, quản lý, sử dụng hiệu quả vốn viện trợ.

3. Nghiêm cấm việc dùng tài khoản cá nhân, thuê mượn hoặc nhờ tài khoản của cơ quan, đơn vị khác để tiếp nhận nguồn vốn viện trợ nước ngoài tài trợ cho các dự án.

4. Các khoản viện trợ theo hình thức phía Việt Nam trực tiếp quản lý điều hành được kiểm soát chi qua hệ thống Kho bạc Nhà nước.

5. Các chủ khoản viện trợ chịu trách nhiệm quản lý và sử dụng vốn viện trợ theo đúng các quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước, thỏa thuận, viện trợ đã ký kết. Trong trường hợp các quy định hoặc điều kiện viện trợ của nhà tài trợ khác với quy định của pháp luật Việt Nam thì phải tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam. Trường hợp các quy định, điều kiện viện trợ được quy định trong Điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc là thành viên thì việc thực hiện tuân thủ theo quy định tại Điều ước quốc tế đó.

Điều 12. Mở tài khoản thanh toán vốn viện trợ

1. Việc mở tài khoản thanh toán cho chương trình/dự án/phi dự án sử dụng vốn viện trợ theo Điều 77 của Nghị định số 56/2020/NĐ-CP; Điều 21 của Nghị

định số 80/2020/NĐ-CP và Điều 17 của Nghị định số 50/2020/NĐ-CP.

2. Ngân hàng phục vụ của chương trình/dự án/phi dự án sử dụng vốn viện trợ.

a) Là một ngân hàng thương mại được chủ dự án lựa chọn trong các ngân hàng thương mại có kinh nghiệm quản lý, thanh toán vốn viện trợ, đáp ứng các tiêu chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ ngân hàng, các quy định về giới hạn tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động ngân hàng.

b) Trường hợp Điều ước quốc tế, Thỏa thuận viện trợ hoặc nhà tài trợ có chỉ định cụ thể ngân hàng phục vụ, thực hiện theo quy định của Điều ước quốc tế, Thỏa thuận viện trợ hoặc chỉ định của nhà tài trợ về ngân hàng phục vụ được chỉ định.

3. Trong vòng 15 ngày kể từ ngày mở tài khoản tiếp nhận tiền viện trợ, chủ dự án có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan chủ quản và cơ quan tài chính đồng cấp các thông tin về việc mở tài khoản nói trên để phối hợp theo dõi và quản lý.

4. Trách nhiệm của ngân hàng phục vụ được tham chiếu tại khoản 3 Điều 51 của Nghị định số 56/2020/NĐ-CP.

Điều 13. Kiểm soát chi đối với vốn viện trợ bằng tiền

1. Việc kiểm soát và thanh toán vốn ODA không hoàn lại bằng tiền thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 6 Điều 79 của Nghị định số 56/2020/NĐ-CP.

2. Việc kiểm soát và thanh toán vốn viện trợ không hoàn lại bằng tiền không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 6 Điều 23 của Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

3. Đối với các khoản viện trợ quốc tế khẩn cấp bằng tiền để cứu trợ và khắc phục hậu quả thiên tai tiếp nhận theo quy định tại Nghị định số 50/2020/NĐ-CP.

a) Trường hợp khoản viện trợ khẩn cấp phát sinh mới kịp tổng hợp trong dự toán được cấp có thẩm quyền phân bổ và giao kế hoạch hoặc kịp lập dự toán bổ sung theo quy định pháp luật ngân sách nhà nước, việc kiểm soát và thanh toán vốn viện trợ thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 19 của Nghị định số 50/2020/NĐ-CP.

b) Trường hợp khoản viện trợ khẩn cấp phát sinh mới trong năm sau thời điểm lập dự toán ngân sách hoặc không kịp bổ sung trong năm, bên tiếp nhận viện trợ thực hiện xây dựng vào dự toán năm sau để làm cơ sở hạch toán và quyết toán ngân sách nhà nước. Kho bạc Nhà nước thực hiện kiểm soát chi nhưng chưa kiểm soát dự toán. Chủ dự án có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ để

Kho bạc Nhà nước thực hiện kiểm soát dự toán theo quy định vào năm kế tiếp.

c) Các khoản tạm ứng theo chế độ: Kiểm soát chi chậm nhất là đến ngày 31 tháng 12 năm kế hoạch, chủ dự án gửi hồ sơ chứng từ đến cơ quan kiểm soát chi trước ngày 31 tháng 12 hằng năm.

Các khoản thanh toán khối lượng hoàn thành được kiểm soát chi và giải ngân đến ngày 31 tháng 01 năm sau.

Điều 14. Giải ngân và thanh toán vốn viện trợ bằng tiền

1. Đối với các khoản viện trợ bằng tiền theo phương thức hỗ trợ trực tiếp ngân sách chung: Tiền ngoại tệ viện trợ được chuyển vào Quỹ ngoại tệ tập trung của ngân sách nhà nước. Việc bán ngoại tệ cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được thực hiện theo kế hoạch bán ngoại tệ được Bộ Tài chính phê duyệt. Việc chi tiêu cho chương trình, dự án, phi dự án thực hiện theo quy định chi tiêu vốn ngân sách nhà nước.

2. Đối với khoản viện trợ bằng tiền theo phương thức hỗ trợ trực tiếp ngân sách có mục tiêu

a. Trường hợp Điều ước quốc tế hoặc Thỏa thuận viện trợ không có quy định về việc giải ngân qua Ngân hàng phục vụ, số ngoại tệ được chuyển vào Quỹ ngoại tệ tập trung của ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều này.

b. Trường hợp Điều ước quốc tế hoặc Thỏa thuận tài trợ có quy định việc giải ngân qua Ngân hàng phục vụ, số ngoại tệ viện trợ được chuyển vào tài khoản của Bộ Tài chính (hoặc của chủ dự án) tại Ngân hàng phục vụ.

Đối với các khoản viện trợ theo phương thức hỗ trợ trực tiếp ngân sách có mục tiêu theo danh mục chương trình, dự án cụ thể: Trên cơ sở yêu cầu của chủ chương trình/dự án, căn cứ kết quả kiểm soát chi của Kho bạc Nhà nước, Kho bạc nhà nước hoặc Ngân hàng phục vụ thực hiện giải ngân cho chủ chương trình, dự án theo quy định.

Đối với các khoản viện trợ theo phương thức hỗ trợ trực tiếp ngân sách có mục tiêu chưa có danh mục chương trình, dự án cụ thể: cơ quan chủ quản xây dựng phương án phân bổ đối với khoản viện trợ này gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định đối với vốn chi đầu tư phát triển; gửi Bộ Tài chính thẩm định với vốn chi thường xuyên để báo cáo cấp có thẩm quyền về phương án tiếp nhận phù hợp.

Điều 15. Tiếp nhận viện trợ bằng hàng hóa và dịch vụ

Việc tiếp nhận viện trợ bằng hàng hóa và dịch vụ được thực hiện theo quy định tại Điều 80 Nghị định số 56/2020/NĐ-CP đối với vốn viện trợ thuộc nguồn ODA, Điều 24 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP đối với vốn viện trợ không thuộc

hỗ trợ phát triển chính thức; khoản 2 Điều 19, 20 Nghị định số 50/2020/NĐ-CP đối với viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ và khắc phục hậu quả thiên tai.

Điều 16. Hạch toán ngân sách nhà nước

1. Đối với khoản viện trợ bằng tiền theo hình thức hỗ trợ trực tiếp ngân sách nhà nước chung quy định tại khoản 1 Điều 14 Thông tư này:

a. Căn cứ vào chứng từ chuyển tiền của nhà tài trợ, Kho bạc nhà nước thực hiện hạch toán thu ngân sách nhà nước theo quy định (trường hợp chuyển tiền bằng ngoại tệ được hạch toán theo quy định đối với các khoản thu ngân sách nhà nước bằng ngoại tệ).

b. Hạch toán ngân sách nhà nước đối với các khoản viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách trung ương, hay viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách trung ương chi bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương theo quy định.

2. Đối với khoản viện trợ bằng tiền theo phương thức hỗ trợ ngân sách có mục tiêu.

a. Đối với khoản viện trợ hỗ trợ trực tiếp ngân sách nhà nước theo tiết a khoản 2 Điều 14:

Việc kiểm soát và hạch toán ngân sách nhà nước thực hiện như nguồn vốn trong nước (vốn viện trợ nước ngoài giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước)

b. Đối với khoản viện trợ hỗ trợ ngân sách nhà nước có mục tiêu theo tiết b khoản 2 Điều 14:

Thực hiện kiểm soát và hạch toán ngân sách nhà nước như các khoản viện trợ bằng tiền trực tiếp cho các dự án do phía Việt Nam điều hành, được quy định định cụ thể tại khoản 3 Điều này.

3. Việc hạch toán ngân sách nhà nước đối với các khoản viện trợ bằng tiền trực tiếp cho các dự án do phía Việt Nam điều hành:

a. Việc giải ngân cho các dự án từ tài khoản tại ngân hàng phục vụ hoặc từ tài khoản tiền gửi vốn viện trợ của dự án mở tại Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch thực hiện, việc hạch toán theo quy định tại khoản 5 Điều 79 Nghị định số 56/2020/NĐ-CP; Đối với vốn viện trợ không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 23 của Nghị định số 80/2020/NĐ-CP, đối với viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ và khắc phục hậu quả thiên tai thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 19 và Điều 21 của Nghị định số 50/2020/NĐ-CP.

b. Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch thực hiện hạch toán trên cơ sở hồ sơ chứng từ đề nghị của chủ dự án gửi đến. Thủ tục hạch toán ghi thu ghi chi thực hiện theo quy định pháp luật về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà

nước.

4. Thời hạn hạch toán theo quy định hiện hành đối với nguồn vốn ngân sách nhà nước.

Điều 17. Tỷ giá hạch toán

1. Các khoản chi tiêu dự án bằng ngoại tệ thì hạch toán ngân sách bằng đồng Việt Nam áp dụng tỷ giá hạch toán ngân sách nhà nước tại thời điểm thanh toán.

2. Trường hợp nhận viện trợ bằng hàng hóa là nhập khẩu từ nước ngoài, căn cứ tờ khai hải quan, vận đơn hàng hóa áp dụng tỷ giá hạch toán ngoại tệ do Bộ Tài chính quy định tại thời điểm tiếp nhận viện trợ.

3. Chủ dự án chịu trách nhiệm về xác định và áp dụng tỷ giá quy đổi đề nghị Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch hạch toán ghi thu ghi theo quy định.

Điều 18. Chuyển nguồn dự toán vốn viện trợ

Đối với các khoản dự toán vốn viện trợ chưa sử dụng hết trong năm được chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng nếu các khoản viện trợ đã xác định cụ thể nhiệm vụ chi.

Điều 19. Điều chỉnh hạch toán ngân sách nhà nước

1. Điều chỉnh số liệu hạch toán ngân sách nhà nước được tiến hành thường xuyên trong năm ngân sách nhằm xử lý chênh lệch giữa số liệu ghi thu, ghi chi ngân sách nhà nước với quyết toán thực tế sử dụng viện trợ, có thể phát sinh trong những trường hợp cụ thể sau:

a) Tài sản, hàng hoá, tiền viện trợ qua kiểm kê, đánh giá lại có phát sinh thừa, thiếu về số lượng, hoặc tăng giảm về giá trị so với số liệu đã hạch toán ngân sách nhà nước.

b) Tiền viện trợ không sử dụng hết hoàn trả lại cho nhà tài trợ;

c) Các khoản tiền, hàng viện trợ đã ghi thu ngân sách nhà nước năm trước, nhưng được chuyển sang sử dụng cho năm sau hoặc được trừ vào ngân sách của năm sau (theo thiết kế của dự án hoặc theo thoả thuận với nhà tài trợ);

2. Cơ quan tài chính, chủ trương trình/dự án/phi dự án phối hợp với Kho bạc Nhà nước để thực hiện các khoản thu, chi ngân sách nhà nước từ nguồn viện trợ nước ngoài không hoàn lại theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 20. Chính sách thuế, ưu đãi về thuế

Chính sách thuế và ưu đãi về thuế áp dụng đối với nguồn vốn viện trợ được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về thuế, điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. Trong trường hợp có sự khác biệt giữa quy định của pháp luật trong nước với điều ước quốc tế đã ký

kết về một vấn đề thì thực hiện theo pháp luật về điều ước quốc tế.

Điều 21. Chế độ mua sắm

1. Việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ từ nguồn vốn viện trợ phải đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, hiệu quả, tiết kiệm, tránh lãng phí.

2. Đối với việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ bằng nguồn tiền viện trợ do cơ quan chủ quản, chủ dự án thực hiện phải tuân thủ Luật Đấu thầu và các quy định về mua sắm hiện hành của Việt Nam trong quá trình thực hiện các chương trình, dự án viện trợ.

3. Đối với việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ do nhà tài trợ nước ngoài trực tiếp thực hiện: việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ này phải thuộc chương trình/dự án/phi dự án viện trợ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, phục vụ cho các hoạt động của chương trình/dự án/phi dự án viện trợ và đảm bảo đáp ứng nhu cầu của chủ dự án.

4. Trong trường hợp Bên tài trợ yêu cầu áp dụng các quy định về mua sắm khác với luật pháp hiện hành của Việt Nam và được quy định trong các điều ước quốc tế đã ký kết mà Việt Nam là thành viên thì áp dụng theo quy định của điều ước quốc tế đó.

Điều 22. Định mức chi tiêu

a) Định mức chi tiêu nguồn vốn đối ứng: áp dụng theo các quy định hiện hành trong nước về vốn đối ứng.

b) Định mức chi tiêu nguồn vốn viện trợ:

Việc chi tiêu từ nguồn vốn viện trợ áp dụng các định mức chi theo quy định của nhà tài trợ/các nhà đồng tài trợ/đơn vị ủy thác (nếu nhà tài trợ yêu cầu), hoặc được ghi trong các điều ước, thoả thuận quốc tế hoặc văn kiện dự án viện trợ.

Đối với các khoản chi đặc thù, trường hợp bên tài trợ chưa có quy định, trong các điều ước, thoả thuận quốc tế hoặc văn kiện dự án không có quy định về định mức chi và cũng chưa được quy định tại các văn bản hiện hành, thì cơ quan chủ quản xây dựng định mức chi tiêu, lấy ý kiến không phản đối của bên tài trợ và thống nhất với Bộ Tài chính trước khi thực hiện.

Điều 23. Quy định về quản lý tài sản

Tài sản được hình thành từ nguồn viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước là tài sản công. Việc quản lý, sử dụng và xử lý tài sản hình thành từ nguồn viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật quản lý, sử dụng tài sản công.

Mục 3

KẾ TOÁN, QUYẾT TOÁN, KIỂM TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 24. Kế toán và quyết toán

1. Việc hạch toán, kế toán và quyết toán đối với các khoản viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định pháp luật về quản lý ngân sách nhà nước.

2. Báo cáo quyết toán năm

a) Các dự án sử dụng vốn có tính chất chi thường xuyên lập báo cáo quyết toán và báo cáo tài chính năm theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp hoặc theo Thông tư số 79/2019/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2019 hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng cho ban quản lý dự án sử dụng vốn đầu tư công. Việc xét duyệt, thẩm định quyết toán thực hiện theo quy định tại Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm.

b) Các dự án sử dụng vốn viện trợ có tính chất chi đầu tư thực hiện quyết toán năm theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

3. Báo cáo kết thúc dự án

a) Trong vòng 06 tháng, kể từ ngày kết thúc dự án, các dự án sử dụng vốn viện trợ có tính chất chi thường xuyên lập báo cáo kết thúc dự án trên cơ sở tổng hợp toàn bộ các báo cáo quyết toán hằng năm đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt gửi cơ quan chủ quản. Cơ quan chủ quản tổng hợp gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

b) Trong vòng 06 tháng, kể từ ngày kết thúc dự án, các dự án sử dụng vốn viện trợ có tính chất chi đầu tư lập báo cáo kết thúc dự án trên cơ sở tổng hợp toàn bộ các báo cáo quyết toán hằng năm đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt gửi cơ quan chủ quản. Cơ quan chủ quản tổng hợp gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

c) Đối với các dự án chấm dứt hoạt động hoặc có quyết định giải thể, sát nhập trong năm ngân sách, giám đốc dự án và người phụ trách kế toán phải chịu trách nhiệm quyết toán dự án hoàn thành báo cáo kết thúc dự án và chịu trách nhiệm trực pháp luật về những sai phạm (nếu có) trong thời gian thực hiện nhiệm vụ trên.

Điều 25. Kiểm toán

1. Kiểm toán dự án viện trợ được tiến hành căn cứ vào yêu cầu, phạm vi,

mục tiêu, nội dung, cách thức tổ chức và kinh phí kiểm toán, quy định tại các điều ước, thoả thuận quốc tế hoặc văn kiện dự án viện trợ. Kiểm toán nhà nước thực hiện kiểm toán dự án viện trợ theo kế hoạch được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc có yêu cầu bằng văn bản chính thức. Trường hợp các chương trình/dự án viện trợ không có kế hoạch kiểm toán nhà nước, nhà tài trợ hoặc chủ dự án Việt Nam thuê dịch vụ kiểm toán độc lập để tiến hành việc kiểm toán theo quy định tại các điều ước, thoả thuận quốc tế hoặc văn kiện dự án viện trợ.

2. Trường hợp kiểm toán độc lập do nhà tài trợ thuê: Kinh phí để thuê kiểm toán được lấy từ nguồn kinh phí riêng do nhà tài trợ thu xếp, hoặc được lấy từ nguồn tiền viện trợ cho dự án theo thoả thuận viện trợ. Chủ dự án có trách nhiệm gửi, hoặc đề nghị nhà tài trợ gửi các báo cáo kiểm toán độc lập hàng năm hoặc kiểm toán theo chuyên đề cho cơ quan chủ quản và cơ quan Tài chính đồng cấp để theo dõi quản lý và phục vụ cho việc thanh quyết toán nguồn vốn viện trợ của dự án.

3. Trường hợp kiểm toán do phía Việt Nam thực hiện: Chủ dự án báo cáo với cơ quan chủ quản và cơ quan tài chính đồng cấp để xem xét và cho phép thuê kiểm toán độc lập từ nguồn vốn đối ứng để kiểm toán theo quy định tại các điều ước, thoả thuận quốc tế hoặc văn kiện dự án viện trợ. Báo cáo kiểm toán này được gửi cho cơ quan chủ quản và cơ quan tài chính đồng cấp để theo dõi, quản lý và phục vụ cho việc thanh quyết toán nguồn vốn viện trợ, vốn đối ứng của dự án.

Điều 26. Chế độ báo cáo

1. Chủ dự án lập và gửi Báo cáo tình hình tiếp nhận viện trợ định kỳ hàng quý cho cơ quan chủ quản cấp trên, chậm nhất vào ngày 10/7 đối với báo cáo 6 tháng và ngày 20/01 năm sau đối với báo cáo năm. Mẫu biểu tại Phụ lục 5 kèm theo Thông tư.

2. Cơ quan chủ quản là các đơn vị dự toán cấp I lập và gửi:

a. Báo cáo tổng hợp tình hình tiếp nhận viện trợ hằng quý, 6 tháng và cả năm cho cơ quan Tài chính đồng cấp (Bộ Tài chính hoặc Sở Tài chính), chậm nhất vào ngày 15/7 đối với báo cáo 6 tháng và chậm nhất vào ngày 31/01 năm sau đối với báo cáo năm. Báo cáo của chủ dự án là đơn vị dự toán cấp I thuộc Ngân sách trung ương được gửi cho Bộ Tài chính (Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại) một (1) bản chính, đồng thời truyền báo cáo này qua thư điện tử cho Bộ Tài chính theo địa chỉ email: taichinhdoingoai@mof.gov.vn.

b. Báo cáo kết thúc toàn bộ chương trình, dự án viện trợ, chậm nhất 6 tháng sau khi kết thúc chương trình, dự án và gửi cơ quan tài chính đồng cấp (Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại).

Các báo cáo hằng quý, 6 tháng và cả năm được lập theo Phụ lục 4 (đối với chủ dự án) và Phụ lục 5 (đối với cơ quan chủ quản) tại Thông tư này.

Báo cáo kết thúc dự án được lập theo mẫu Báo cáo quyết toán vốn đầu tư (đối với các dự án xây dựng cơ bản) hoặc Báo cáo quyết toán vốn dự án hành chính sự nghiệp (đối với các dự án do các đơn vị hành chính, sự nghiệp thực hiện) theo quy định hiện hành.

3. Các báo cáo gửi cho nhà tài trợ được thực hiện theo các văn kiện dự án, hiệp định hoặc thoả thuận tài trợ đã ký kết với nhà tài trợ. Các báo cáo này cũng được chủ dự án gửi cho cơ quan chủ quản và cơ quan tài chính đồng cấp để theo dõi, chỉ đạo thực hiện dự án.

Điều 27. Trách nhiệm quản lý tài chính nhà nước đối với viện trợ nước ngoài

1. Trách nhiệm của cơ quan tài chính

a) Bộ Tài chính

- Hướng dẫn việc thực hiện các chế độ quản lý tài chính đối với vốn viện trợ; chịu trách nhiệm kiểm tra việc thực hiện các chế độ quản lý tài chính đối với các cơ quan chủ quản dự án viện trợ, các đối tượng tiếp nhận viện trợ.

- Kiểm tra, giám sát việc sử dụng viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách trung ương.

- Thẩm định quyết toán sử dụng viện trợ năm đối với các chủ dự án viện trợ là đơn vị dự toán cấp I thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ và cơ quan khác ở Trung ương.

b) Sở Tài chính

- Hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện các chế độ quản lý tài chính đối với nguồn viện trợ nước ngoài trực tiếp cho địa phương.

- Kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách địa phương và viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách địa phương.

- Thẩm định quyết toán viện trợ năm đối với các chủ dự án viện trợ là đơn vị dự toán cấp I thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Định kỳ 6 tháng (trước ngày 1/7 và 10/01 năm sau) và cả năm (trước ngày 30/01 năm sau), Sở Tài chính gửi báo cáo về tình hình tiếp nhận viện trợ đối với viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách địa phương cho Bộ Tài chính để tổng hợp báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

c) Kho bạc Nhà nước trung ương và địa phương

- Thực hiện việc kiểm soát chi và hạch toán ghi thu ghi chi theo quy định

hiện hành.

- Đối với viện trợ giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước, việc thực hiện báo cáo như quy định vốn trong nước theo quy định tại Thông tư số 82/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định về chế độ và biểu mẫu báo cáo tình hình thực hiện, thanh toán kế hoạch vốn đầu tư công.

- Định kỳ hàng quý (trước ngày 10/4, 10/6, 10/10, 15/1 năm sau), gửi số liệu kiểm soát chi và số liệu ghi thu ghi chi vốn viện trợ theo từng chương trình/dự án/phi dự án cho Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại (đối với viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách trung ương) hoặc Sở Tài chính (đối với viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách địa phương) để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền.

d) Cơ quan Hải quan

- Thực hiện thông quan hàng hóa viện trợ theo quy định hiện hành.

- Đối với viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách địa phương: Định kỳ 06 tháng 1 lần, Cục Hải quan tỉnh, thành phố nói phát sinh số liệu hàng hóa viện trợ nhập khẩu có trách nhiệm báo cáo Sở Tài chính thuộc tỉnh, thành phố mà Cục Hải quan tỉnh, thành phố đó đóng trụ sở về số liệu viện trợ hàng hóa nhập khẩu.

- Đối với viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách trung ương: Định kỳ 6 tháng 1 lần, Tổng cục Hải quan có trách nhiệm báo cáo Bộ Tài chính (Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại) về số liệu viện trợ hàng hóa nhập khẩu. Chậm nhất ngày 30/6 và ngày 31/11 hằng năm.

đ) Cơ quan thuế

- Thực hiện các chính sách ưu đãi về thuế đối với hàng hóa viện trợ theo quy định hiện hành.

2. Trách nhiệm của Cơ quan chủ quản và Chủ dự án

a. Cơ quan chủ quản

- Phối hợp với cơ quan tài chính trong việc chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra các đơn vị trực thuộc trong việc thực hiện nghiêm chỉnh chế độ quản lý tài chính quy định tại Thông tư này;

- Lập và tổng hợp kế hoạch tài chính đối với viện trợ của các đơn vị trực thuộc vào dự toán ngân sách nhà nước hàng năm; thẩm tra, phê duyệt và thông báo phê duyệt quyết toán nguồn vốn viện trợ cho các đơn vị dự toán cấp dưới;

- Thực hiện nhập TABMIS vốn viện trợ để cơ quan tài chính đồng cấp phê duyệt theo quy định;

- Tổng hợp báo cáo quyết toán viện trợ hàng năm và báo cáo kết thúc dự án

của các chủ dự án là các cơ quan cấp dưới (thuộc và trực thuộc) để báo cáo cho cơ quan tài chính cùng cấp theo quy định hiện hành;

- Chủ trì, phối hợp với cơ quan tài chính đồng cấp trong việc đôn đốc, hướng dẫn và phê duyệt đối với báo cáo quyết toán viện trợ hàng năm; xử lý tài sản, kinh phí, chênh lệch tỷ giá kết dư và quyết toán chương trình, dự án viện trợ đã hoàn thành theo hướng dẫn tại Thông tư này và quy định của pháp luật có liên quan.

b. Chủ dự án

- Chấp hành các quy định về chế độ quản lý tài chính theo hướng dẫn tại Thông tư này;

- Chịu trách nhiệm chính trước pháp luật về việc thực hiện các chương trình, dự án viện trợ theo đúng các quy định đã cam kết trong các hiệp định, thoả thuận hoặc văn kiện dự án viện trợ;

- Lập báo cáo quyết toán viện trợ năm và báo cáo quyết toán dự án viện trợ hoàn thành để trình cơ quan chủ quản xem xét và phê duyệt theo đúng quy định hiện hành.

Chương III ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 28. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày..... và thay thế các Thông tư: Thông tư số 225/2010/TT-BTC ngày 21 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý tài chính nhà nước đối với viện trợ nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước và Thông tư 109/2007/TT-BTC ngày 10 tháng 9 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý tài chính nhà nước đối với viện trợ phi chính phủ nước ngoài không thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì sẽ áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có những vấn đề còn vướng mắc hoặc chưa được hướng dẫn tại Thông tư này, đề nghị các đơn vị phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- VPCP;
- VPTW Đảng;
- VP Chủ tịch nước,

BỘ TRƯỞNG

- VP Quốc hội;
- Các Bộ, CQ ngang Bộ, CQ thuộc CP;
- UBND tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cơ quan TW các tổ chức, đoàn thể;
- TAND tối cao;
- VKSND tối cao;
- Kiểm toán NN;
- Sở Tài chính, KBNN tỉnh TP;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- VP Ban chỉ đạo TW về phòng, chống tham nhũng;
- Công báo;
- Website Chính phủ;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, QLN.

Đinh Tiến Dũng

TỔNG HỢP KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NGUỒN VỐN VIỆN TRỢ KIỂM HOÀN LẠI 05 NĂM

(kèm theo Thông tư số /TT-BTC ngày tháng năm 2021 của Bộ Tài chính)

STT	Tên tài liệu, cơ sở pháp lý (Văn kiện/chương trình hợp tác/Thỏa thuận khung/Điều ước quốc tế khung)	Thực hiện kế hoạch tài chính vốn viện trợ 5 năm trước				Ước giai đoạn 5 năm tiếp theo	
		Dự toán		Thực hiện		Thường xuyên	ĐTPT
		Thường xuyên	ĐTPT	Thường xuyên	ĐTPT		
1							
2							
3							

DVT: triệu đồng

ĐỀ TOÁN THU CHÍ VỐN VIỆN TRỢ KIỂM HOÀN LẠI THUỐC NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC HÀNG NĂM
dành theo Thông tư số 11-BTC ngày tháng năm 2021 của Bộ Tài chính

STT	Tên dự án	Tên chủ dự án	Tên nhà tài trợ	Quyết định phê duyệt tiếp nhận viện trợ	Thời gian thực hiện dự án	Tổng vốn cam kết viện trợ	Dự toán được giao năm hiện hành	Thực hiện dự toán năm hiện hành (tính đến thời điểm lập dự toán)	Dự toán năm kế hoạch						Bổ sung có mục tiêu cho địa phương	
									Tổng chi đầu tư thương xuyên	GTGC		Hỗ trợ trực tiếp NSNN		Chỉ thường xuyên	ĐTPT	Thường xuyên
										Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chỉ thường xuyên			
									(1)+(3)+(5)	1	2	3	4	5	6	
									(2)+(4)+(6)							
A Viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách trung ương																
1	Dự án A...															
2	Dự án B...															
3	Dự án C...															
B Viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách địa phương																
1	Dự án D...															
2	Dự án E...															
3	Dự án F...															

- Lưu ý:
- Điền đầy đủ các thông tin trong bảng theo yêu cầu;
 - Đơn vị xây dựng dự toán là tiền đồng;
 - Tỷ giá xây dựng dự toán là tỷ giá hạch toán của Bộ Tài chính đăng trên website của Bộ Tài chính tại thời điểm xây dựng dự toán;
 - Dự toán được giao năm hiện hành. Số dự toán được cấp có thẩm quyền giao trong năm;
 - Thực hiện dự toán năm hiện hành (tính đến thời điểm lập dự toán) số giải ngân vốn viện trợ theo dự toán được giao.
 - Bộ Tài chính tổng hợp đối với vốn viện trợ chi thường xuyên, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chịu

TÊN CHỦ DỰ ÁN

PHỤ LỤC 4

(Kèm theo Thông tư số /TT-BTC ngày tháng năm của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TIẾP NHẬN VIỆN TRỢ

Kỳ báo cáo: Quý, 6 tháng, cả năm

Phần I: Số liệu											
STT	Tên dự án	Tên nhà tài trợ	Quyết định phê duyệt tiếp nhận viện trợ	Thời gian thực hiện dự án	Tổng vốn cam kết viện trợ	Tổng vốn viện trợ đã GTGC đến thời điểm báo cáo	Dự toán được giao năm hiện hành (VNĐ)	Vốn viện trợ giải ngân trong kỳ báo cáo		Tổng vốn viện trợ của cả chương trình/dự án đã giải ngân đến thời điểm báo cáo	
								USD	VNĐ	USD	VNĐ
1	Dự án...										
2	Dự án...										
3	Dự án...										
	Tổng số										

Phần II: Tình hình

Ngàythángnăm

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

Lưu ý:

- Điền đầy đủ các thông tin trong bảng theo yêu cầu;

- Bộ Tài chính tổng hợp đối với vốn viện trợ chỉ thường xuyên, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm tổng hợp vốn viện trợ chỉ đầu

- Nơi nhận: Cơ quan chủ quản chương trình/dự án.

- Số liệu trong kỳ báo cáo là số liệu viện trợ thực tiếp nhận. Nếu số liệu viện trợ thực tiếp nhận đó mà chưa GTGC thì thể hiện trị giá chưa GTGC trong cột chú thích.

- Tỷ giá quy đổi: Lấy theo tỷ giá hạch toán do Bộ Tài chính công bố hàng tháng trên website Bộ Tài chính vào thời điểm báo cáo.

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TIẾP NHẬN VIỆN TRỢ

Kỳ báo cáo: Quý, 6 tháng, cả năm

Phần I: Số liệu

STT	Tên chủ dự án	Tên dự án	Tên nhà tài trợ	Quyết định phê duyệt tiếp nhận viện trợ	Thời gian thực hiện dự án	Tổng vốn cam kết viện trợ	Tổng vốn viện trợ đã GTGC đến thời điểm báo cáo	Dự toán được giao năm hiện hành (VNĐ)	Vốn viện trợ giải ngân trong kỳ báo cáo		Tổng vốn viện trợ của cả chương trình/dự án đã giải ngân đến thời điểm báo cáo	
									USD	VNĐ	USD	VNĐ
1												
2												
3	...											
Tổng số												

Phần II: Tình hình

Lưu ý:

- Điền đầy đủ các thông tin trong bảng theo yêu cầu;
- Bộ Tài chính tổng hợp đối với vốn viện trợ chi thường xuyên, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm tổng hợp vốn viện trợ chi đầu tư.
- Nơi nhận: Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại (Bộ Tài chính) đối với viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách trung ương; Sở Tài chính đối với viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách địa phương
- Số liệu trong kỳ báo cáo là số liệu viện trợ thực tiếp nhận. Nếu số liệu viện trợ thực tiếp nhận đó mà chưa GTGC thì thể hiện trị giá chưa GTGC trong cột chú thích.

Ngàythángnăm

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

- Tỷ giá quy đổi. Lấy theo tỷ giá hạch toán do Bộ Tài chính công bố hàng tháng trên website Bộ Tài chính vào thời điểm báo cáo.
- Báo cáo này được tổng hợp từ báo cáo của các chủ dự án thuộc, trực thuộc.